

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TAM NÔNG
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2023/HS-ST
Ngày 19-5-2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM NÔNG, TỈNH ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hứa Quang Thông

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Phan Ngọc Thành
- Ông Hồ Ngọc Thành

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Nhân, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Lê Kim Ngọc - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 5 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 16/2023/TLST-HS ngày 28 tháng 4 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2023/QĐXXST-HS ngày 05 tháng 5 năm 2023 đối với:

- Bị cáo Phạm Tấn Đ, sinh ngày 28/3/2003; tên gọi khác: N; nơi sinh: tỉnh Đồng Tháp; nơi cư trú: ấp L, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 04/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Cao Đài; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn S, sinh năm 1961 và bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1963; tiền án: Không; tiền sự: Ngày 11/01/2022 bị Tòa án nhân dân huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc trong thời gian 12 tháng và ngày 27/3/2023 bị Tòa án nhân dân huyện Tam Nông áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc trong thời gian 18; tạm giữ: Không; tạm giam: Không.

Bị cáo hiện đang chấp hành tại Cơ sở điều trị nghiện tỉnh Đồng Tháp và có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại: Đặng Thị B1, sinh năm 1947, có đơn xin vắng mặt.

Địa chỉ: ấp A, xã A, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Nguyễn Thị B, sinh năm 1963, *có mặt*.

Địa chỉ: ấp L, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

2. Đặng Thị Thanh T, sinh ngày 29/4/2004, *có đơn xin vắng mặt*.

Địa chỉ: ấp A, xã A, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

- *Người làm chứng:*

1. Đặng Văn H, sinh năm 1974, *vắng mặt*.

2. Tranh Sóc K, sinh năm 1962, *vắng mặt*.

Địa chỉ: ấp A, xã A, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 12 giờ ngày 25/02/2023, Phạm Tấn Đ (tên gọi khác N) đi bộ từ nhà thuộc ấp L, xã P, huyện T đến phía trước nhà bà Đặng Thị B1, ngụ ấp A, xã A, huyện T, Đ đi vào sân đến cái vồng mắc sẵn nằm để quan sát xem trong nhà có người hay không. Khoảng 30 phút sau, thấy bà B1 từ trong nhà đi ra lộ xuống quán nước bờ sông nằm vồng, Đ đi theo cặp hong ra phía sau thấy cửa nhà sau không đóng nên vào nhà đi đến phòng ngủ thứ nhất bên trái (hướng từ cửa trước nhìn vào trong) không đóng cửa, Đ vào phòng thấy ví màu đen, loại nhỏ để trên đầu giường, mở lấy số tiền 70.000 đồng (gồm 03 tờ tiền loại Polime, mệnh giá 20.000 đồng; 01 tờ tiền loại polime, mệnh giá 10.000 đồng), tiếp tục mở ngăn nhỏ ra lấy 3.500.000 đồng (gồm 07 tờ tiền loại polime, mệnh giá 500.000 đồng) cất giấu vào túi quần dài bên phải, để ví lại vị trí cũ trên đầu giường, đi ra khỏi phòng ngủ, đến cầu thang phía sau, nhìn thấy có camera mắc ngay góc nhà vệ sinh Đ leo lên rút chui điện. Sau đó đi lên lầu thấy phòng ngủ bên trái không đóng cửa, đi vào đến tủ gỗ đựng quần áo lấy 01 áo khoác, loại vải màu đen có sọc trắng đỏ, lấy xong Đ đi xuống cầu thang tẩu thoát theo đường cửa sau, ra đường đi bộ về cầu A.

Khi đi lên giữa cầu A, kiểm tra được số tiền 3.570.000 đồng, lấy áo khoác vừa trộm ra mặc nhưng áo bị rách bên trái nên cởi ra ném xuống sông, sau đó về nhà nằm nghỉ. Đến khoảng 21 giờ cùng ngày, Đ dùng tất cả số tiền trộm được trên mua bia và thức ăn để uống cùng T1, T2, H (tất cả không rõ họ và địa chỉ cụ thể).

Vật chứng thu giữ chưa xử lý: 01 quần dài màu xám trắng, nhãn hiệu PULL& BEAR, thắt lưng có dây rút, đã qua sử dụng; 01 nón kết màu xám trắng, nhãn hiệu adidas, đã qua sử dụng do Đ tự nguyện giao nộp.

Đối với áo khoác, loại vải đen, sọc trắng đỏ Đ khai đã ném xuống sông C và khẩu trang y tế màu xanh cùng áo thun màu xanh, tay ngắn, phía sau áo có số

7 Đạt mặc khi thực hiện hành vi trộm, Đ bỏ mất áo và khẩu trang trên, Cơ quan điều tra đã tiến hành truy tìm, thu hồi nhưng không được.

Tại Cáo trạng số: 17/CT-VKS-TN ngày 27 tháng 4 năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện T đã truy tố bị cáo Phạm Tấn Đ phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

- Kiểm sát viên phân tích các tình tiết cấu thành tội phạm và khẳng định cáo trạng đã truy tố bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội. Căn cứ vào tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, nhân thân bị cáo, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 38 của Bộ luật Hình sự, tuyên bố bị cáo Phạm Tấn Đ, phạm tội “Trộm cắp tài sản” mức án từ 06 tháng đến 09 tháng tù. Hình phạt bổ sung: Không áp dụng.

Về trách nhiệm dân sự và vật chứng: Giữ nguyên theo Cáo trạng.

- Bị cáo Phạm Tấn Đ khai: Thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội “Trộm cắp tài sản” như nội dung cáo trạng đã truy tố và luận tội của Kiểm sát viên. Bị cáo không tham gia tranh luận, bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị B trình bày: Việc bị cáo Phạm Tấn Đ trộm cắp tài sản vào ngày 25/02/2023 bà hoàn toàn không biết. Tuy nhiên, quá trình điều tra bà B có đưa bị cáo Đ số tiền 3.570.000đồng để bồi thường cho bị hại, nhưng bà B không yêu cầu bị cáo trả lại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện T, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện T, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục được quy định trong Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo không có khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra và phù hợp với các tài liệu chứng cứ sau: Biên bản khám nghiệm hiện trường, Sơ đồ hiện trường, Bản ảnh hiện trường ngày 28/02/2023 của Công an huyện T; Bản tự khai ngày 28/02/2023 của bị cáo; Lời khai bị hại, người có

quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, cùng toàn bộ chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa.

Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Vào ngày 25/02/2023 bị cáo Phạm Tấn Đ do cần tiền tiêu xài cá nhân nên lợi dụng sự sơ hở, thiếu cảnh giác của bị hại đã lén lút vào phòng ngủ nhà bà Đặng Thị B1, ngụ ấp A, xã A, huyện T, tỉnh Đồng Tháp trộm số tiền tổng cộng 3.570.000 đồng (trong đó gồm 07 tờ tiền loại polime, mệnh giá 500.000 đồng; 03 tờ tiền loại Polime, mệnh giá 20.000 đồng; 01 tờ tiền loại polime, mệnh giá 10.000 đồng), sau khi trộm được bị cáo sử dụng tiêu xài cá nhân hết.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội đã trực tiếp xâm phạm đến tài sản của người khác, gây mất ổn định an ninh trật tự ở địa phương, gây bất bình trong quần chúng nhân dân đã đủ yếu tố cấu thành tội: “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự mà Viện kiểm sát truy tố bị cáo hoàn toàn đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, mức hình phạt theo điều luật quy định phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

[3] Hình phạt bổ sung: Xét thấy, bản thân bị cáo hiện nay không nghề nghiệp nên không áp dụng.

[4] Quyền sở hữu tài sản hợp pháp của mỗi người được pháp luật thừa nhận và bảo vệ, bất kỳ ai xâm phạm đến tài sản của người khác trái pháp luật sẽ bị trừng trị. Tình hình tội phạm về trộm cắp tài sản và hậu quả gây mất an ninh trật tự xã hội hiện nay, gây phản nộ trong quần chúng nhân dân. Bản thân bị cáo có đủ năng lực hành vi nhận thức được điều này nhưng vì lười lao động muốn có tiền tiêu xài mà bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội nhằm phục vụ cho lợi ích cá nhân. Qua đó, thấy được ý thức xem thường pháp luật của bị cáo nên cần thiết phải áp dụng hình phạt tương xứng với nhân thân, tính chất và mức độ hành vi phạm tội của bị cáo và cần phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhất định mới đủ điều kiện cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt, có ích cho xã hội nhằm giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

Tuy nhiên, tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bồi thường thiệt hại xong; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên được xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt theo quy định tại điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình Sự. Tình tiết tăng nặng: Không.

[5] Đối với bị cáo Đ, bị Tòa án nhân dân huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp ra quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc theo Quyết định số: 01/2023/QĐ-TA ngày 27/3/2023 với thời gian là 18 (mười tám) tháng, bị cáo đang chấp hành tại Cơ sở điều trị nghiện tỉnh Đồng Tháp. Do hành vi “Trộm cắp tài sản” của bị cáo trong vụ án này bị xử phạt tù nên khi bản án có hiệu lực pháp luật thì bị cáo được miễn chấp hành phần thời

gian còn lại trong quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính nêu trên theo quy định tại Điều 117 của Luật xử lý vi phạm hành chính.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Trong quá trình điều tra, ngày 02/3/2023 bị cáo Đ tự nguyện giao nộp số tiền 3.570.000 đồng để bồi thường thiệt hại cho bà Đặng Thị Bá. Đến ngày 14/4/2023 Cơ quan điều tra đã trao trả số tiền 3.570.000 đồng cho bà B1 nhận lại xong, không có yêu cầu gì khác nên không xem xét.

[7] Đối với bà Nguyễn Thị B đưa bị cáo Đ số tiền 3.570.000 đồng để bồi thường cho bị hại, bà B không yêu cầu bị cáo trả lại nên không xem xét.

[8] Về vật chứng của vụ án:

Đối với 01 quần dài màu xám trắng, nhãn hiệu PULL& BEAR, thắt lưng có dây rút, đã qua sử dụng; 01 nón kết màu xám trắng, nhãn hiệu adidas, đã qua sử dụng do bị cáo Đ tự nguyện giao nộp. Xét thấy, vật chứng trên thuộc sở hữu của bị cáo không còn giá trị và bị cáo không yêu cầu nhận lại nên tịch thu tiêu hủy là phù hợp theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự

Đối với áo khoác, loại vải đen, sọc trắng đỏ của Đặng Thị Thanh T, bị cáo khai đã ném xuống kênh cầu A; khẩu trang y tế màu xanh cùng áo thun màu xanh, tay ngắn, phía sau áo có số 7 do bị cáo mặc khi thực hiện hành vi trộm, bị cáo bỏ mất áo và khẩu trang trên. Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã tiến hành truy tìm, thu hồi nhưng không được nên không xem xét.

[9] Đối với áo khoác loại vải đen, sọc trắng đỏ của Đặng Thị Thanh T do bị cáo Đ lấy trộm. Trong quá trình điều tra, T trình bày áo khoác trên đã bị rách, hư hỏng từ lâu không còn giá trị sử dụng nên không yêu cầu định giá và cũng không yêu cầu bị cáo bồi thường nên không xem xét.

[10] Đối với T1, T2, H (không rõ họ và địa chỉ cụ thể), Cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh nhưng không có những người nêu trên. Ngoài ra, bị cáo Đ thừa nhận chỉ thực hiện hành vi trộm cắp tài sản nêu trên một mình, những người nêu trên không tham gia và cũng không biết việc bị cáo trộm nên không có căn cứ xem xét xử lý.

[11] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố bị cáo Phạm Tấn Đ phạm tội: “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt bị cáo Phạm Tấn Đ 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt đi thi hành án.

2. Về vật chứng: Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tịch thu tiêu huỷ: 01 (một) quần dài màu xám trắng, nhãn hiệu PULL&BEAR, thắt lưng có dây rút, đã qua sử dụng; 01 (một) nón kết màu xám trắng, nhãn hiệu adidas, đã qua sử dụng.

(Tất cả vật chứng nêu trên Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Đồng Tháp đang quản lý).

3. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Bị cáo Phạm Tấn Đ phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

4. Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện T;
- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Cơ quan CSĐT Công an huyện T;
- Cơ quan THAHS Công an huyện T;
- Nhà tạm giữ Công an huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(ĐÃ KÝ)

Hứa Quang Thông